TÒA ÁN ND HUYỆN L **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:59 /2017/HNGĐ- ST
Ngày 07/7/2017
V/v ly hôn giữa chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông ĐặngVăn Bảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Ông Nguyễn Xuân Chung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L

- Đại diện VKSND huyện L tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2017 về việc " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXX-ST ngày 14/6/2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1987 "vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện L,tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T – Sinh năm 1988"vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn T1, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14-4-2017 và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh T ngày 08/5/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn L. Trước khi kết hôn chị và anh T không được tìm hiểu mà do được người khác giới thiệu nhưng khi đăng ký kết hôn là có thỏa thuận.Cưới xong vợ chồng sống với nhau được mấy ngày thì chị về mẹ đẻ. Nguyên nhân chị về mẹ đẻ sống là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã tự cắt đứt mọi quan hệ ngay từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung .

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-4-2017 bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về việc kết hôn như chị N khai là đúng.Cưới xong được 03 ngày thì chị N về mẹ đẻ, mọi quan hệ vợ chồng cắt đứt từ đó. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn

Về con chung: Anh và chị N không có con chung

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện L phát biểu quan ý kiến: Thẩm phán và HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền và nghĩa vụ cảu các bên đương sự. Đề nghị xử cho chị N được ly hôn anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Chị N và anh T đều được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Xét nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T là bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Anh T ngày 08/5/2014, tại UBND Thị trấn L, giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 08-5-2014. Việc kết hôn giữa chị N và anh T là tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được 03 ngày thì chị N về mẹ đẻ,vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ ngay từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau và không hiểu nhau. Nay chị N xin ly hôn, anh T xét tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luận Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung, tài sản chung :* Chị N và anh T đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tại phiên tòa hôm nay không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2.Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/001057 ngày 24-4-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Báo cho các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáotrong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *Các đương sự*
- *THA; UBND.TT L.*
- *Lưu vp, hồ sơ./.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Đặng Văn Bảo